

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM THỦY
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2024/HS-ST
Ngày 24/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY, TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Thọ; ông Nguyễn Ngọc Tính

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trịnh Minh Chữ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên:** Bà Bùi Thị Bích - Kiểm sát viên

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 15/2024/TLST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ tên: **Bùi Văn T**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: không; Sinh ngày 10 tháng 4 năm 2005 tại: **xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**; Nơi ở hiện tại: **Thôn L, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: **Bùi Văn L** - SN: 1976 và bà: **Bùi Thị H** - SN: 1981; Vợ, con: Chưa có

Tiền án: 01 (Một), ngày 26/10/2023 bị Tòa án **huyện Y** xử 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 16 tháng về tội Trộm cắp tài sản

Tiền sự: Không

Bị tạm giữ ngày 23/01/2024, tạm giam từ ngày 26/01/2024 đến nay tại Nhà tạm giữ **Công an huyện C**. Có mặt.

- **Bị hại:** Anh **Quách Văn D**; địa chỉ: **Thôn L, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**. Vắng mặt (đã được triệu tập hợp lệ).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh **Lê Văn Q**; địa chỉ: **Khu A, thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa**. Vắng mặt (đã được triệu tập hợp lệ).

Lê Tuấn A, sinh năm 1991; địa chỉ: **Thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**. Vắng mặt (đã được triệu tập hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Sáng ngày 19/01/2024, **Bùi Văn T** và **Nguyễn Ngọc B**, sinh ngày 07/4/2009, đang ở tại phòng trọ ở **thôn C, xã C, huyện C**, rủ nhau cùng đi trộm cắp xe máy đem bán lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân. **B** mượn xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, BKS: 36 E1-443.24 của anh **Lê Tuấn A**, trú tại **thôn C, xã C** để chở **T** về nhà **T** ở **thôn L, xã C, huyện C** với mục đích đi tìm xe mô tô để trộm cắp. Sau khi chở **T** về đến nhà, **B** dẫn **T** khi nào trộm cắp được xe thì **B** sẽ quay lại đón, rồi **B** điều khiển xe mô tô đi về nhà ở **thôn T, xã T, huyện T**. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày **T** đi bộ sang nhà anh **Quách Văn D** – sinh năm 1983 ở cùng thôn, quan sát thấy trong sân nhà anh **D** có chiếc xe mô tô BKS: 36 B6-476.61, chìa khóa xe đang cắm sẵn trong ổ khóa, thấy trong nhà không có người nên **T** đã đi đến chỗ chiếc xe, nổ máy và đi sang **huyện T**, trên đường đi **T** gọi điện thoại cho **B** hẹn đến **xã T, huyện T** để cùng đi bán xe, khi đến chỗ hẹn, **T** đưa xe trộm cắp được cho **B** điều khiển còn **T** điều khiển xe của **B**. **T** và **B** đem xe đến bán cho anh **Lê Văn Q** chủ cửa hàng mua bán xe mô tô ở **thị trấn K, huyện T** với số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng). **T** nhờ **B** đem 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) đến trả cho anh **Nguyễn Anh Đ**, trú tại **thôn Y, xã C, huyện C**. Số tiền còn lại 3.000.000đ (Ba triệu đồng) **T** và **B** chia đôi mỗi người 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) để chi tiêu cá nhân.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 02/KL-HĐĐGTS ngày 25/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **huyện C** kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Blade, màu xanh đen, BKS: 36 B6-476.61, tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá: 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Đối với **Nguyễn Ngọc B**, khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản **B** chưa đủ 16 tuổi. Dó đó, ngày 21/3/2024 **Công an huyện C** đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với **Nguyễn Ngọc B**.

Đối với anh **Lê Văn Q** là người đã mua chiếc xe mô tô BKS: 36B6-476.61 do **T** và **B** trộm cắp mà có, tuy nhiên trong quá trình mua xe, anh **Q** không biết xe do trộm cắp nên không đủ căn cứ để xử lý đối với anh **Lê Văn Q** về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại Điều 323, Bộ luật Hình sự.

Anh **Lê Tuấn A** đã cho **Nguyễn Ngọc B** mượn mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS FI, Màu sơn đỏ đen, BKS: 36E1-443.24, số khung: RLCUE4120MY002241, số máy: E34CE004641, **B** chỉ hỏi mượn xe để cùng **T** đi chơi, anh không biết **B** và **T** dùng làm phương tiện để trộm cắp tài sản, nên không có cơ sở truy cứu trách nhiệm đối với anh **Lê Tuấn A**.

Vật chứng và xử lý vật chứng: Quá trình điều tra thu giữ:

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Blade, màu sơn: xanh - đen, BKS: 36B6-476.61, xe đã qua sử dụng.

- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 334981, Tên chủ xe: **Bùi Thị N**, địa chỉ: **S, C, C**, Biên số đăng ký: 36B6-476.61.

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS FI, Màu sơn đỏ đen, BKS: 36E1-443.24, số khung: RLCUE4120MY002241, số máy: E34CE004641, xe đã qua sử dụng.

Xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Blade, màu sơn: xanh - đen, BKS: 36B6-476.61 và 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 334981 là tài sản thuộc quyền sở hữu của anh **Quách Văn D**. Do đó, ngày 01/02/2024 Cơ quan CSĐT **Công an huyện C** ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe một chiếc xe mô tô và Giấy chứng nhận đăng ký xe nêu trên cho chủ sở hữu hợp pháp là anh **Quách Văn D**;

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS FI, Màu sơn đỏ đen, BKS: 36E1-443.24, số khung: RLCUE4120MY002241, số máy: E34CE004641, xe đã qua sử dụng chuyển cơ quan Thi hành án dân sự để chờ xử lý.

Về dân sự: Bị hại anh **Quách Văn D** đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu đề nghị bồi thường gì thêm, anh **Lê Văn Q** đã nhận đủ số tiền 7.000.000đ của gia đình **Bùi Văn T** và **Nguyễn Ngọc B** nên không yêu cầu đề nghị gì nữa.

Tại Bản Cáo trạng số 21/CT-VKSCT ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy đã truy tố bị cáo **Bùi Văn T** về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56; khoản 5 Điều 65; Điều 38 BLHS. Khoản 2 Điều 106; Khoản 2 Điều 135, Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 –NQ 326/2016/UBTVQH14. Xử phạt: Bị cáo **Bùi Văn T** từ 12 tháng – 18 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 08 tháng tù của bản án **số 70/2023/HS-ST ngày 26/10/2023 của Tòa án huyện Y**, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án. Về trách nhiệm dân sự: Anh **Quách Văn D**, anh **Lê Văn Q** đã nhận lại tài sản, tiền bồi thường không yêu cầu bồi thường nên miễn xét. Trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS FI, Màu sơn đỏ đen, BKS: 36E1-443.24, số khung: RLCUE4120MY002241, số máy: E34CE004641 cho anh **Lê Tuấn A**. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST.

Tại phiên tòa, bị cáo **Bùi Văn T** thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung của Bản cáo trạng và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại: Anh **Quách Văn D** đã nhận lại tài sản không yêu cầu đề nghị gì

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh **Lê Văn Q** đã nhận đủ số tiền nên không yêu cầu đề nghị gì.

Anh **Lê Tuấn A** trình bày: Ngày 19/01/2024, anh quen biết với **Bùi Văn T** và **Nguyễn Ngọc B**, nên khi **B** hỏi mượn xe mô tô để cùng với **T** đi chơi, do nể nang nên anh cho mượn mà không biết **B** và **T** đi trộm cắp tài sản, nay anh đề nghị được nhận lại chiếc xe để làm phương tiện đi lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra – **Công an huyện C**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cũng như các chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Ngày 19/01/2024, **Bùi Văn T** và **Nguyễn Ngọc B** rủ nhau đi trộm cắp xe máy để lấy tiền chi tiêu cá nhân, **Nguyễn Ngọc B** đã mượn xe máy của anh **Lê Tuấn A** chở **T** về **thôn L, xã C**, sau đó **B** quay về nhà tại **huyện T**, đến khoảng 16h cùng ngày **Bùi Văn T** đã lợi dụng gia đình anh **Quách Văn D** dựng xe máy ở ngoài sân, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa không có người trông coi, **T** đã nổ máy xe và đi sang **xã T, huyện T** giao xe cho **B** đi đến bán cho anh **Q** lấy số tiền 7.000.000đ để chi tiêu cá nhân. Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Blade, màu sơn xanh - đen, BKS: 36 B6-476.61 của gia đình anh **Quách Văn D**, trị giá 9.500.000đ (*Chín triệu năm trăm nghìn đồng*). **Nguyễn Ngọc B** khi thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 16 tuổi, vì vậy hành vi của **B** chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm theo quy định của pháp luật, đối với hành vi của **Bùi Văn T** đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Tính chất của vụ án: **Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người bị hại, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có nhân thân xấu, đang trong thời gian chấp hành hình phạt 08 tháng tù cho hưởng án treo theo bản án số 70/2023/HS-ST ngày 26/10/2023 của Tòa án huyện Y về tội Trộm cắp tài sản, nhưng bị cáo không biết ăn năn, hối cải lại tiếp tục phạm tội. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.**

Bị cáo **Bùi Văn T** đang trong thời gian chấp hành hình phạt tù cho hưởng án treo theo bản án số 70/2023/HS - ST ngày 26/10/2023 của Tòa án **huyện Y**, nhưng lại phạm tội mới nên áp dụng quy định tại khoản 5 Điều 65, khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án.

[4]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là: Đã bồi thường thiệt hại, thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 – BLHS.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có công việc ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về dân sự: Anh **Quách Văn D**, anh **Lê Văn Q** đã nhận lại tài sản và tiền bồi thường nên không yêu cầu gì nữa nên miễn xét.

[7]. Về vật chứng vụ án: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS FI, Màu sơn đỏ đen, BKS: 36E1-443.24, số khung: RLCUE4120MY002241, số máy: E34CE004641 là tài sản hợp pháp của anh **Lê Tuấn A** cho **Nguyễn Ngọc B** mượn, anh **Tuấn A** không biết **B** mà **T** dùng xe làm phương tiện phạm tội nên trả lại cho anh **Lê Tuấn A**.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 56; khoản 5 Điều 65; Điều 38 **BLHS. Khoản 2 Điều 106**; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật TTHS năm 2015. Điểm a khoản 1 Điều 23 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo **Bùi Văn T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo **Bùi Văn T** 15 (Mười lăm) tháng tù. Buộc bị cáo **Bùi văn T1** phải chấp hành hình phạt 08 tháng tù theo bản án **số 70/2023/HS-ST ngày 26/10/2023 của Tòa án huyện Y, tỉnh Thanh Hóa**. Bị cáo phải chấp hành hình phạt của 02 bản án là 23 (Hai mươi ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/01/2024.

Về vật chứng vụ án: Trả cho anh **Lê Tuấn A** 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS FI, Màu sơn đỏ đen, BKS: 36E1-443.24, số khung: RLCUE4120MY002241, số máy: E34CE004641, xe đã qua sử dụng, xe không có gương chiếu hậu (Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy)

Về án phí: Bị cáo **Bùi Văn T** phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Cẩm Thủy;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Cẩm Thủy;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Thủy;
- Các cơ quan hữu quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh